

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 61/2017/HSST
Ngày 02 - 8 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Phong**, Chủ tịch hội cựu chiến binh phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bà **Đặng Thị Vui**, Phó Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Mai Hương, cán bộ Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 58/2017/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2017 đối với đối với:

* *Bị cáo: Quách Văn T*; sinh ngày 07 tháng 8 năm 1992, tại huyện N, tỉnh T; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn Q, xã Y, huyện N, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: lớp 7/12; con ông Quách Văn T và bà Quách Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án: ngày 24/02/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/5/2011; ngày 30/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 33 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; ngày 09/8/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp với hình phạt tại Bản án ngày 30/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống là 03 năm 08 tháng 5 ngày tù. Ngày 03/02/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 21/4/2017; tạm giam ngày 26/4/2017; hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Thúy N*, sinh năm: 1988; trú tại: tổ 4, khu 2, phường Q, thành phố U, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1) Anh **Lê Xuân C**, sinh năm: 1986; trú tại: khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa.

2) Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1982; trú tại: khu 1, phường H, thành phố M, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/4/2017, Quách Văn T đến quán cafe Góc Phố thuộc tổ 1, khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh làm quen với chị Nguyễn Thị Thúy N (là nhân viên của quán) với mục đích để tạo lòng tin xem chị N có tài sản gì thì sẽ lừa đem bán lấy tiền tiêu sài, nhưng không thấy chị N có tài sản gì. Đến khoảng 13 giờ ngày 13/4/2017, T tiếp tục quay lại quán cafe Góc Phố gặp chị N. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T nói dối chị N là có người ở quê gửi cho T 10.000.000đ (mười triệu đồng) và nhờ chị N chở ra ngã ba đường đầu phố Hòa Bình thuộc phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí để lấy tiền. Chị N tin tưởng và sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 30N8 - 4276 của mình để chở T đi. Đến nơi T giả vờ gọi điện cho ai đó nói chuyện bảo xe khách chạy qua rồi, T hỏi mượn xe của chị N để đuổi theo xe ô tô lấy tiền. Chị N nghe T nói thế nên tin tưởng giao xe cho T. Khoảng 30 phút sau không thấy T quay lại chị N gọi điện thoại nhiều lần nhưng T tắt máy nên đã đến cơ quan Công an trình báo.

Sau khi lừa được xe mô tô của chị N, T điều khiển xe đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh gặp anh Lê Xuân C và nói với anh C là xe của mình đã làm mất giấy tờ và muốn bán cho anh C. Anh C đồng ý mua với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng). T viết giấy bán xe cho anh C lấy tên là Nguyễn Long T, quê ở huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó, anh C bán lại cho anh Nguyễn Văn C cũng ở thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh với giá 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ngày 21/4/2017, khi thấy T đang ở Nhà nghỉ Gia Huy thuộc tổ 44, khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, chị N báo công an bắt giữ.

Ngày 22/4/2017 anh Nguyễn Văn C tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô của chị N cho Công an thành phố Uông Bí. Ngày 18/6/2017, Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí đã trả lại cho chị N chiếc xe mô tô trên.

Tại bản kết luận định giá ngày 28/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Uông Bí kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 30N8-4276 của chị N trị giá 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 63/KSĐT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Quách Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Quách Văn T từ 36 (ba mươi sáu) đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 21/4/2017.

- Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; các điểm a và đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu, phát mai sung ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; tịch thu và tiêu hủy 01 (một) sim điện thoại số: 01644384608; buộc bị cáo T phải hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng cho anh Lê Xuân C; trả lại cho bị cáo Quách Văn T 01 (một) chiếc ví da màu nâu đã qua sử dụng và số tiền 1.140.000đ (một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình cơ bản như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận: do không có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền chi tiêu nên bị cáo đã tìm cách làm quen với chị N và đã lừa được chị N giao chiếc xe mô tô của mình cho bị cáo. Sau đó, bị cáo mang ra thành phố Móng Cái bán lấy tiền chi tiêu hết. Bị cáo thừa nhận: việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị Thúy N khai toàn bộ hành vi bị cáo lừa lấy xe của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Do chị tin lời bị cáo hỏi mượn xe mô tô của mình để đuổi theo xe khách lấy tiền nên chị đã cho bị cáo mượn xe, nhưng sau đó không thấy bị cáo quay lại trả, chị gọi điện thì bị cáo tắt máy, nên sau đó chị đã trình báo với cơ quan Công an. Đến nay, chị đã nhận được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Anh Lê Xuân C khai mình không biết bị cáo lừa lấy xe của người khác nên đã đồng ý mua xe của bị cáo với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng), sau đó bán lại cho anh Nguyễn Văn C với giá 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Anh đã trả cho anh C số tiền 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng) và yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho mình số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) mà anh đã bỏ ra mua xe của bị cáo. Anh C xác nhận việc mua bán xe và hoàn trả lại tiền như anh C đã khai.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, nó còn được chứng minh bằng lời khai của người bị hại là chị Nguyễn Thị Thúy N - người đã tin tưởng và giao cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô của mình nhưng bị cáo không trả lại mà mang bán lấy tiền tiêu xài; phù hợp với lời khai của những người làm chứng là chị Phạm Thị H và chị Nguyễn Thị B là những người biết bị cáo làm quen và mượn xe của chị N; phù hợp với vật chứng đã bị thu giữ, bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thành phố Uông Bí và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước nên khoảng 16 giờ ngày 13/4/2017 tại tổ 1, khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo Quách Văn T đã dùng thủ đoạn gian

dối để chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 30N8-4276 trị giá 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) của chị Nguyễn Thị Thúy N, sau đó đem đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh bán lấy tiền tiêu sài rồi bỏ trốn thì bị bắt giữ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở pháp luật.

Điều 139 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm: ...

c) Tái phạm nguy hiểm;” ...

Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong nhân dân địa phương. Liên tục từ năm 2011 đến năm 2012, bị cáo đã bị nhiều Tòa án xử phạt tù về nhiều tội danh và nhiều lần phạm tội khác nhau, cho đến lần xét xử cuối cùng (năm 2012 - bị cáo bị kết án với tình tiết *“tái phạm nguy hiểm”*). Ngày 03/02/2016, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù, lần này lại tiếp tục phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết định khung là *“Tái phạm nguy hiểm”* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm minh.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của Nhà nước.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân rất xấu, đã bị kết án tù, nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật, kỷ cương xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, không những để trừng trị, mà còn để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với anh Lê Xuân C và Nguyễn Văn C không biết chiếc xe mô tô bị cáo mang bán là tài sản do phạm tội mà có nên không có lỗi, không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) bị cáo bán xe cho anh Lê Xuân C do được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật, anh C yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho mình, nên bị cáo phải hoàn trả lại cho anh C số tiền này theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen là công cụ phạm tội, còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước; 01 (một) sim điện thoại số: 01644384608 đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy; 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng và số tiền 1.140.000đ (một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Quách Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Quách Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 21/4/2017.

- Áp dụng: khoản 1, các điểm a và đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) sim điện thoại số: 01644384608; Trả lại cho bị cáo Quách Văn T 01 (một) chiếc ví da màu nâu đã qua sử dụng và số tiền 1.140.000đ (một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tình trạng những vật chứng nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/7/2017 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh và Bảng kê tang vật kèm theo Biên bản này.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; các điều 351, 353, 357, 468, khoản 1 Điều 579, các khoản 1 và 2 Điều 580 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Quách Văn T phải hoàn trả cho anh Lê Xuân C (sinh năm: 1986; trú tại: khu 2, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh) số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án có quyết định thi hành, nếu người có nghĩa vụ trả tiền mà chậm trả (không trả hoặc trả không đầy đủ) thì người đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Quách Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 231; khoản 1 Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho mình hoặc được niêm yết; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho mình hoặc được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- Những người có QLNVLQ;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- THADS TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.

Nguyễn Thành Lâm